

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-002	23661006	Nguyễn Trần Thiên	Ân	07/05/2004	Nam	TP. HCM	A2	B301
02	A2-003	23682022	Chung Ngọc Tuấn	Anh	27/01/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
03	A2-004	23635168	Lương Trâm	Anh	02/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
04	A2-005	23600230	Ngô Thị Kim	Anh	20/04/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
05	A2-006	23631163	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	24/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
06	A2-007	23631162	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	24/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
07	A2-008	22641672	Nguyễn Văn	Anh	23/06/2002	Nam	Trà Vinh	A2	B301
08	A2-009	23661052	Đinh Nguyễn Anh	Bằng	03/01/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
09	A2-010	23661039	Lê Chí	Bảo	26/03/2005	Nam	Cà Mau	A2	B301
10	A2-011	23682083	Nguyễn Gia	Bảo	23/06/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
11	A2-012	22641592	Văn Viết Gia	Bảo	10/09/2003	Nam	Gia Lai	A2	B301
12	A2-013	23641267	Phùng Thị Mỹ	Cẩm	13/10/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
13	A2-014	22631387	Huỳnh Minh	Châu	08/08/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B301
14	A2-015	23631199	Phạm Thị Mỹ	Chi	26/04/2005	Nữ	Long An	A2	B301
15	A2-016	24641081	Nguyễn Thị Hồng	Đào	12/01/2006	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B301
16	A2-017	23661028	Mai Thành	Đạt	20/11/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B301
17	A2-001	23641189	Nguyễn Hữu	Đức	18/08/2005	Nam	TP. HCM	A2	B301
18	A2-018	23600126	Tô Huyền	Di	29/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
19	A2-019	23635097	Cao Thị Thuý	Diễm	02/02/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
20	A2-020	23611053	Huỳnh Thị	Diễm	14/07/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B301
21	A2-021	22641339	Nguyễn Hoài Ngọc	Diễm	27/07/2004	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	B301
22	A2-022	23641006	Nguyễn Phúc	Diễm	12/02/2002	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
23	A2-023	23631308	Trần Ngọc	Đình	08/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B301
24	A2-024	23682004	Nguyễn Trần Huỳnh	Đức	25/06/2003	Nam	Kiên Giang	A2	B301
25	A2-025	22631463	Nguyễn Hoàng	Dung	13/03/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B301
26	A2-026	23631151	Phạm Thị Mỹ	Dung	27/01/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
27	A2-027	23641028	Nguyễn Lê Bạch	Dương	15/04/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B301
28	A2-028	23641382	Võ Phi	Dương	02/08/2005	Nam	An Giang	A2	B301
29	A2-029	23641002	Nguyễn Trọng	Duy	30/11/2004	Nam	Bạc Liêu	A2	B301
30	A2-030	23641122	Nguyễn Võ Mỹ	Duy	22/03/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH
Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-031	23641139	Phạm Nhật	Duy	18/02/2005	Nam	Cà Mau	A2	B302
02	A2-032	23641062	Hà Mỹ	Duyên	03/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
03	A2-033	23671022	Hồ Trần Phương	Duyên	03/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
04	A2-034	23651019	Nguyễn Ngọc Hồng	Duyên	17/10/2005	Nữ	Long An	A2	B302
05	A2-035	23641393	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	27/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
06	A2-036	23631140	Võ Thị Mỹ	Duyên	11/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
07	A2-037	23600336	Nguyễn Ngọc	Giàu	28/10/1997	Nữ	TP. HCM	A2	B302
08	A2-038	20641924	Đặng Huỳnh Minh	Hải	20/12/2002	Nam	TP. HCM	A2	B302
09	A2-039	23600040	Lê Văn	Hải	16/10/2005	Nam	TP. HCM	A2	B302
10	A2-040	22641731	Trần Phúc	Hải	09/08/2004	Nam	Nam Định	A2	B302
11	A2-041	23631212	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	16/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
12	A2-042	23641431	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B302
13	A2-043	23631327	Lưu Ngọc	Hằng	03/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B302
14	A2-044	22611063	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	14/02/2004	Nữ	Đà Nẵng - Hòa	A2	B302
15	A2-045	23631216	Mai Mỹ	Hảo	21/09/2004	Nữ	Gia Lai	A2	B302
16	A2-046	23631239	Nguyễn Tú	Hảo	10/08/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
17	A2-047	23600239	Trần Thị Thuý	Hiền	14/04/2005	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B302
18	A2-048	23600100	Võ Thu	Hiền	29/11/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
19	A2-049	23600026	Nguyễn Hồng	Hiếu	29/12/2002	Nam	Nghệ An	A2	B302
20	A2-050	23641260	Nguyễn Tấn	Hiếu	30/09/2005	Nam	Long An	A2	B302
21	A2-051	23611115	Nguyễn Ngọc	Hoà	04/06/2005	Nam	BR-VT	A2	B302
22	A2-052	23682019	Nguyễn Thị Xuân	Hoà	05/09/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B302
23	A2-053	23682053	Lý Thanh	Hoài	13/10/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B302
24	A2-054	22631071	Nguyễn Trần Như	Hoài	23/07/2003	Nữ	Quảng Trị	A2	B302
25	A2-055	23631273	Cao Việt	Hoàng	13/12/2005	Nam	Nam Định	A2	B302
26	A2-056	22641338	Nguyễn Minh	Hoàng	19/05/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B302
27	A2-057	23661047	Trần Minh	Hoàng	12/05/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302
28	A2-058	23600158	Bùi Thị Mỹ	Hồng	20/07/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
29	A2-059	23641409	Lại Thị Cẩm	Hồng	24/01/2004	Nữ	An Giang	A2	B302
30	A2-060	22641158	Dương Gia	Huân	23/06/2003	Nam	TP. HCM	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-061	23651001	Võ Gia	Huệ	10/08/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
02	A2-062	22641488	Trần Quốc	Hùng	21/11/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
03	A2-063	23671009	Huỳnh Đức	Hưng	13/01/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
04	A2-064	23641283	Nguyễn Thanh	Hưng	30/03/2005	Nam	Quảng Ngãi	A2	B303
05	A2-065	23641285	Nguyễn Quỳnh Thiên	Hương	21/09/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
06	A2-066	24635216	Vũ Thị Cẩm	Hương	05/07/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
07	A2-067	23641335	Danh Hoàng	Hữu	10/11/2003	Nam	Kiên Giang	A2	B303
08	A2-068	23611119	Huỳnh Như	Huy	23/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
09	A2-069	23635090	Nguyễn Hoàng Quốc	Huy	05/08/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
10	A2-070	22641586	Trần Quốc	Huy	05/09/2004	Nam	Quảng Ngãi	A2	B303
11	A2-071	23682063	Võ Hoàng	Huy	06/10/2005	Nam	Lâm Đồng	A2	B303
12	A2-072	23635130	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/10/2005	Nữ	Khánh Hòa	A2	B303
13	A2-073	23631156	Phan Thị Kim	Huyền	16/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
14	A2-074	23631018	Trần Thị Ngọc	Huyền	24/01/2001	Nữ	Bến Tre	A2	B303
15	A2-075	23661096	Lâm Tuấn	Khải	14/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
16	A2-076	22635126	Nguyễn Hoàng	Khải	17/04/2004	Nam	Bến Tre	A2	B303
17	A2-077	23635187	Vưu Ngọc Đan	Khanh	02/02/2005	Nữ	Cà Mau	A2	B303
18	A2-078	23612121	Nguyễn Vũ Kim	Khánh	28/09/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
19	A2-079	23635095	Nguyễn Gia	Khiêm	24/12/2005	Nam	Long An	A2	B303
20	A2-080	23631303	Diêu Đăng	Khoa	29/04/2005	Nam	TP. HCM	A2	B303
21	A2-081	22631224	Nguyễn Đăng	Khoa	26/07/2003	Nam	TP. HCM	A2	B303
22	A2-082	23635053	Nguyễn Thụy Yến	Khoa	23/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
23	A2-083	22641099	Huỳnh Trần Đăng	Khôi	21/09/2004	Nam	TP. HCM	A2	B303
24	A2-084	23635057	Phan Ngọc Bảo	Khuyên	01/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
25	A2-085	23600133	Lê Thị Diễm	Kiều	22/06/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
26	A2-086	23631144	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	31/07/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B303
27	A2-087	23635145	Lý Xuân	Lan	22/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B303
28	A2-088	23631121	Phạm Thị Kiều	Lan	24/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B303
29	A2-089	23641082	Trần Ngô Tuyết	Lan	18/02/2005	Nữ	Vĩnh Long	A2	B303
30	A2-090	23635064	Đinh Ngọc	Liên	21/03/2005	Nữ	An Giang	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-091	23631314	Huỳnh Giang Ngọc	Liên	07/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
02	A2-092	23682045	Châu Thị Yến	Linh	09/08/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
03	A2-093	23600095	Đinh Trương Thị Ngọc	Linh	03/10/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
04	A2-094	23631138	Hà Thị Trúc	Linh	16/11/2005	Nữ	Long An	A2	B304
05	A2-095	23641085	Lê Thị Cẩm	Linh	07/10/2005	Nữ	Long An	A2	B304
06	A2-096	24641079	Lê Thị Mỹ	Linh	01/02/2006	Nữ	Bến Tre	A2	B304
07	A2-097	23635148	Nguyễn Trần Nhã	Linh	25/12/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
08	A2-098	23641417	Nguyễn Văn	Linh	06/12/2002	Nam	TP. HCM	A2	B304
09	A2-099	23611001	Phạm Khánh	Linh	15/10/2003	Nữ	Cà Mau	A2	B304
10	A2-100	23631026	Trần Thị Phương	Linh	19/09/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B304
11	A2-101	23631105	Phạm Thi	Loan	10/09/1992	Nữ	Kiên Giang	A2	B304
12	A2-102	23651020	Nguyễn Tấn	Lộc	09/08/2003	Nam	TP. HCM	A2	B304
13	A2-103	23682115	Nguyễn Tấn	Lưu	29/11/2005	Nam	Quảng Ngãi	A2	B304
14	A2-104	23600155	Đạo Thị Bích	Luyến	07/07/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
15	A2-105	23600321	Hoàng Lê Trúc	Ly	30/03/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
16	A2-106	23682061	Nguyễn Thị Khánh	Ly	21/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
17	A2-107	24600012	Trần Thảo	Ly	15/01/2002	Nữ	Sóc Trăng	A2	B304
18	A2-108	23682032	Trần Thị Hải	Lý	31/08/2005	Nữ	Quảng Trị	A2	B304
19	A2-109	23600198	Nguyễn Ngọc Xuân	Mai	19/05/2005	Nữ	Long An	A2	B304
20	A2-110	23682044	Trần Thị Thanh	Mai	21/10/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
21	A2-111	23631102	Trần Gia	Mẫn	07/04/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
22	A2-112	23635175	Dương Như	Mẫn	04/12/2005	Nam	TP. HCM	A2	B304
23	A2-113	23635144	Nguyễn Diệu	Minh	22/12/2005	Nữ	Tây Ninh	A2	B304
24	A2-114	22631551	Huỳnh Thị Cẩm	My	14/07/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B304
25	A2-115	22611066	Ngô Thị Thảo	My	16/03/2002	Nữ	TP. HCM	A2	B304
26	A2-116	23641432	Nguyễn Huỳnh Trà	My	19/10/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B304
27	A2-117	23641024	Nguyễn Thụy Trà	My	14/04/2004	Nữ	An Giang	A2	B304
28	A2-118	23600067	Phạm Lê Tuyết	My	27/07/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B304
29	A2-119	23600169	Hồ Nữ Thiên	Nga	05/05/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
30	A2-120	22635013	Huỳnh Thị Bích	Nga	02/08/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B304
31	A2-121	23671015	Nông Thị Thúy	Nga	28/12/2005	Nữ	Đắk Nông	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-122	23671032	Huỳnh Nguyễn	Phương Ngân	30/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
02	A2-123	23641479	Nguyễn	Ngọc Ngân	28/09/2005	Nữ	Kiên Giang	A2	B306
03	A2-124	23611032	Nguyễn	Thanh Ngân	07/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
04	A2-125	23631066	Nguyễn	Thị Ngân	05/03/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
05	A2-126	23682081	Nguyễn	Thị Kim Ngân	13/02/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
06	A2-127	22641405	Nguyễn	Thị Kim Ngân	23/11/2004	Nữ	Long An	A2	B306
07	A2-128	23641030	Trần	Thị Thanh Ngân	23/02/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
08	A2-129	23611044	Nguyễn	Thị Bảo Nghi	18/05/2005	Nữ	Vĩnh Long	A2	B306
09	A2-130	23600065	Nguyễn	Thị Phương Nghi	27/05/2005	Nữ	Long An	A2	B306
10	A2-131	23600152	Võ	Thị Tuyết Nghi	07/08/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
11	A2-132	23611046	Lê	Minh Nghi	06/11/2005	Nam	Bến Tre	A2	B306
12	A2-133	23661024	Vũ	Minh Nghĩa	04/12/2005	Nam	Đắk Lắk	A2	B306
13	A2-134	23635132	Đinh	Thị Mỹ Ngọc	20/03/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B306
14	A2-135	23641376	Lương	Thị Bảo Ngọc	17/07/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B306
15	A2-136	23631159	Phạm	Dương Ngọc	15/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
16	A2-137	23600170	Trần	Bảo Ngọc	18/12/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
17	A2-138	22612118	Võ	Lê Anh Ngọc	02/01/2002	Nữ	Cà Mau	A2	B306
18	A2-139	23631148	Nguyễn	Thị Trúc Nguyên	06/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
19	A2-140	23682076	Trần	Phương Thảo Nguyên	01/05/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
20	A2-141	23641188	Hà	Thị Như Nguyệt	16/05/2005	Nữ	Đà Nẵng - H	A2	B306
21	A2-142	21612058	Lê	Vũ Hàn Nguyệt	12/11/2003	Nữ	Ninh Thuận	A2	B306
22	A2-143	23600120	Lê	Thị Thanh Nhân	15/11/2005	Nữ	Long An	A2	B306
23	A2-144	22641415	Nguyễn	Thanh Nhân	22/03/2002	Nam	TP. HCM	A2	B306
24	A2-145	23641078	Nguyễn	Thành Nhân	29/02/2004	Nam	Cần Thơ	A2	B306
25	A2-146	23641380	Đặng	Bình Nhi	20/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
26	A2-147	23600118	Diệp	Mẫn Nhi	12/12/2005	Nữ	Long An	A2	B306
27	A2-148	23631133	Đinh	Thị Yến Nhi	24/09/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B306
28	A2-149	19681012	Đỗ	Phụng Nhi	19/05/2001	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
29	A2-150	23682071	Đoàn	Thị Bảo Nhi	19/07/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
30	A2-151	23611038	Lê	Bảo Nhi	24/04/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B306
31	A2-152	23641049	Lê	Thị Băng Nhi	23/09/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-153	23611040	Lê Thị Yến	Nhi	06/11/2005	Nữ	Long An	A2	B308
02	A2-154	23682014	Nguyễn Ngọc	Nhi	25/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
03	A2-155	23682117	Nguyễn Ngọc Kiều	Nhi	08/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
04	A2-156	23611143	Nguyễn Thị Ánh	Nhi	20/08/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	B308
05	A2-157	23612030	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	23/09/2002	Nữ	Đà Nẵng	A2	B308
06	A2-158	22635026	Phạm Lê Yến	Nhi	05/11/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
07	A2-159	23600171	Phạm Thanh Nhi	Nhi	08/03/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B308
08	A2-160	23641076	Phạm Thị Ý	Nhi	17/08/2004	Nữ	Phú Yên	A2	B308
09	A2-161	23661069	Phạm Yến	Nhi	04/05/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B308
10	A2-162	23641321	Trần Bảo	Nhi	18/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
11	A2-163	23631299	Trần Phạm Đông	Nhi	05/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
12	A2-164	23631001	Trần Thị Tuyết	Nhi	29/03/2004	Nữ	Long An	A2	B308
13	A2-165	22631504	Ngô Huỳnh Yến	Như	02/12/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B308
14	A2-166	23600330	Nguyễn Thị Thanh	Như	01/01/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B308
15	A2-167	23641031	Tô Phạm Yến	Như	07/08/2003	Nữ	Kiên Giang	A2	B308
16	A2-168	23631166	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/02/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B308
17	A2-169	23682003	Ja Sa	Ny	02/12/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
18	A2-170	23600172	Hà Thị	Oanh	18/07/2005	Nữ	Đắk Lắk	A2	B308
19	A2-171	23600315	Lê Hoàng	Phát	23/05/2005	Nam	Gia Lai	A2	B308
20	A2-172	23641394	Nguyễn Hồng	Phúc	11/08/2005	Nam	TP. HCM	A2	B308
21	A2-173	23641115	Võ Văn	Phúc	02/12/1996	Nam	TP. HCM	A2	B308
22	A2-174	23631387	Phạm Thanh Kim	Phụng	19/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B308
23	A2-175	23600257	Đinh Hoàn	Phước	18/07/2005	Nam	An Giang	A2	B308
24	A2-176	23631193	Đặng Thị Trúc	Phuong	09/07/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
25	A2-177	23641007	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	19/10/2002	Nữ	Tiền Giang	A2	B308
26	A2-178	23631219	Võ Đào Ngọc	Phuong	09/05/2003	Nữ	TP. HCM	A2	B308
27	A2-179	22671024	Lê Văn	Quân	26/04/2003	Nam	Nghệ An	A2	B308
28	A2-180	23641027	Nguyễn Đình Tuệ	Quang	27/02/2003	Nam	TP. HCM	A2	B308
29	A2-181	23682085	Nguyễn Nhật Thanh	Quang	23/11/2005	Nam	Bình Thuận	A2	B308
30	A2-182	23611031	Phạm Nhật	Quang	20/12/2004	Nam	TP. HCM	A2	B308
31	A2-183	23641198	Dương Minh	Quang	18/01/2005	Nam	Bình Phước	A2	B308

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-184	23641147	Trần Minh	Qui	14/11/2004	Nam	Long An	A2	B408
02	A2-185	23661058	Ngô Bảo	Quý	19/12/2005	Nam	Sóc Trăng	A2	B408
03	A2-186	23612089	Nguyễn Anh	Quốc	20/05/2005	Nam	TP. HCM	A2	B408
04	A2-187	23641025	Huỳnh Ngọc Bích	Quyên	27/05/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B408
05	A2-188	22641053	Nguyễn Thảo	Quyên	25/10/2002	Nữ	Vĩnh Long	A2	B408
06	A2-189	23682005	Trần Diên	Quyên	19/05/2003	Nam	TP. HCM	A2	B408
07	A2-190	23641195	Hồ Thị Mỹ	Quyên	29/06/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B408
08	A2-191	23682067	Đặng Thị Như	Quỳnh	17/02/2005	Nữ	Long An	A2	B408
09	A2-192	23641391	Lưu Diễm	Quỳnh	18/10/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B408
10	A2-193	23635082	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/06/2005	Nữ	Quảng Trị	A2	B408
11	A2-194	23600029	Huỳnh Tấn	Sang	05/04/2002	Nam	TP. HCM	A2	B408
12	A2-195	23611003	Trần Thanh	Sang	17/02/2003	Nam	Tây Ninh	A2	B408
13	A2-196	23600278	Võ Hoàng	Son	12/05/2005	Nam	Bình Thuận	A2	B408
14	A2-197	23600015	Văn Thành	Son	21/06/2004	Nam	Quảng Ngãi	A2	B408
15	A2-198	23641026	Đinh Tấn	Tài	26/10/2000	Nam	Long An	A2	B408
16	A2-199	23661044	Ngũ Vĩ	Tài	23/10/2004	Nam	TP. HCM	A2	B408
17	A2-200	23600245	Thái Văn	Tài	24/04/2005	Nam	An Giang	A2	B408
18	A2-201	23635007	Nguyễn Thanh	Tâm	21/09/2002	Nam	TP. HCM	A2	B408
19	A2-202	23600096	Trần Ngọc Tuyết	Tâm	11/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B408
20	A2-203	23631170	Võ Thị Mỹ	Tâm	20/09/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B408
21	A2-204	23641473	Đinh Ngọc	Thắng	06/05/2005	Nam	TP. HCM	A2	B408
22	A2-205	23611017	Trần Hữu	Thắng	19/01/2004	Nam	Bến Tre	A2	B408
23	A2-206	22671014	Lê Bích	Thanh	24/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B408
24	A2-207	23641121	Nguyễn Trịnh Phương	Thanh	19/04/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B408
25	A2-208	22611002	Nguyễn Văn Quốc	Thanh	27/01/1999	Nam	Đồng Tháp	A2	B408
26	A2-209	23611012	Phạm Thị Ngọc	Thanh	23/03/2003	Nữ	Long An	A2	B408
27	A2-210	22641304	Phạm Quang	Thành	15/09/2004	Nam	Ninh Bình	A2	B408
28	A2-211	22641367	Hoàng Thị Thanh	Thảo	22/07/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B408
29	A2-212	23600302	Huỳnh Thị Ngọc	Thảo	28/02/2002	Nữ	Kiên Giang	A2	B408
30	A2-213	23631153	Phạm Hoàng Thanh	Thảo	23/09/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B408
31	A2-214	23641116	Phan Thị Thanh	Thảo	22/10/2005	Nữ	An Giang	A2	B408

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-215	23682026	Tăng Ngọc	Thảo	20/04/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	B808
02	A2-216	22611215	Thái Thị Thanh	Thảo	14/09/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B808
03	A2-217	23635118	Trần Thanh	Thảo	20/03/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B808
04	A2-218	23631374	Lê Thị Ngọc	Thảo	26/07/2005	Nữ	Quảng Nam	A2	B808
05	A2-219	22635112	Dương Đình	Thêm	13/01/2004	Nam	hừa Thiên Hu	A2	B808
06	A2-220	23631177	Nguyễn Thị Kim	Thi	09/12/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
07	A2-221	23631169	Trần Thị Mai	Thi	30/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B808
08	A2-222	20641015	Phạm Minh	Thiện	17/10/2000	Nam	Tây Ninh	A2	B808
09	A2-223	23661104	Trần Công	Thiện	07/07/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B808
10	A2-224	23661026	Phan Đức	Thịnh	20/10/2005	Nam	Long An	A2	B808
11	A2-225	23600225	Cao Ngọc Vi	Thơ	10/10/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B808
12	A2-226	23682037	Nguyễn Ngọc Duyên	Thơ	12/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
13	A2-227	23641224	Phan Văn	Thông	08/11/2005	Nam	Bến Tre	A2	B808
14	A2-228	22611039	Huỳnh Ngọc Anh	Thư	08/12/2003	Nữ	Hậu Giang	A2	B808
15	A2-229	23641405	Huỳnh Thị Anh	Thư	02/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
16	A2-230	23600001	Nguyễn Anh	Thư	10/11/2001	Nữ	Bạc Liêu	A2	B808
17	A2-231	23600087	Nguyễn Ngô Anh	Thư	13/06/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B808
18	A2-232	22682024	Nguyễn Ngọc Mai	Thư	13/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
19	A2-233	23641164	Nguyễn Thị Kim	Thư	25/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
20	A2-234	23611153	Phạm Ngọc Anh	Thư	20/11/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B808
21	A2-235	23600137	Phạm Thị Anh	Thư	04/05/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	B808
22	A2-236	23600110	Trương Thị Minh	Thư	30/05/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
23	A2-237	22641352	Võ Minh	Thuận	28/07/2004	Nam	TP. HCM	A2	B808
24	A2-238	22661075	Võ Văn	Thuận	19/11/2003	Nam	TP. HCM	A2	B808
25	A2-239	23631229	Trần Ngọc Hoài	Thương	16/06/2005	Nữ	Bến Tre	A2	B808
26	A2-240	23631064	Lê Minh	Thùy	14/04/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B808
27	A2-241	23631061	Trần Thanh	Thủy	19/09/2004	Nữ	TP. HCM	A2	B808
28	A2-242	23631091	Trương Thị Thanh	Thúy	04/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
29	A2-243	23641422	Nguyễn Hoàng Phương	Thùy	29/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	B808
30	A2-244	23631302	Đặng Mỹ	Tiên	25/11/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	B808
31	A2-245	23600121	Lâm Thị Quỳnh	Tiên	09/04/2005	Nữ	Bình Phước	A2	B808

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-246	23611035	Trần Phạm Cẩm	Tiên	20/04/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	A415
02	A2-247	23611002	Lê Thị Thanh	Tiến	05/11/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	A415
03	A2-248	23612063	Trần Thị Thu	Tình	24/06/2005	Nữ	Long An	A2	A415
04	A2-249	23682020	Lê Văn Thanh	Toàn	29/05/2005	Nam	Tiền Giang	A2	A415
05	A2-250	23631326	Đặng Ngọc	Trâm	10/08/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	A415
06	A2-251	24641086	Nguyễn Đặng Bảo	Trân	15/03/2006	Nữ	Tây Ninh	A2	A415
07	A2-252	23631052	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	18/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	A415
08	A2-253	23631376	Quang Ngọc	Trân	16/11/2001	Nữ	TP. HCM	A2	A415
09	A2-254	23600114	Đinh Thị Yến Trang	Trang	31/03/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	A415
10	A2-255	23600176	Đồng Thị Diễm	Trang	20/12/2005	Nữ	An Giang	A2	A415
11	A2-256	22682029	Dương Thị Thuỳ	Trang	21/02/2002	Nữ	TP. HCM	A2	A415
12	A2-257	23631180	Hồng Thị Hoàng	Trang	03/10/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	A415
13	A2-258	23631027	Lê Thị Huyền	Trang	19/05/2004	Nữ	Hà Tĩnh	A2	A415
14	A2-259	23631370	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	30/07/2005	Nữ	Bình Phước	A2	A415
15	A2-260	22631541	Nguyễn Thị Hân	Trang	12/12/2004	Nữ	Khánh Hòa	A2	A415
16	A2-261	23631371	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/07/2005	Nữ	Nam Định	A2	A415
17	A2-262	23661027	Hồ Quốc	Triệu	10/03/2005	Nam	Đồng Nai	A2	A415
18	A2-263	23641448	Trần Ngọc	Trinh	17/07/2002	Nữ	TP. HCM	A2	A415
19	A2-264	23612076	Trương Thị Trúc	Trinh	22/11/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	A415
20	A2-265	23631135	Võ Thị Ngọc	Trinh	24/07/2005	Nữ	Bình Thuận	A2	A415
21	A2-266	23631234	Lâm	Trông	01/09/2004	Nam	Bình Phước	A2	A415
22	A2-267	23641047	Nguyễn Trần Bảo	Trọng	01/01/2003	Nam	Cần Thơ	A2	A415
23	A2-268	23671018	Phạm Nguyễn Thy	Trúc	14/11/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A415
24	A2-269	22641845	Phạm Nhã	Trúc	14/12/1999	Nữ	TP. HCM	A2	A415
25	A2-270	23682093	Phạm Trang Thanh	Trúc	20/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A415
26	A2-271	22631188	Trần Thị Thanh	Trúc	28/02/2004	Nữ	Bến Tre	A2	A415
27	A2-272	23641271	Mai Thanh	Trúc	16/04/2004	Nữ	TP. HCM	A2	A415
28	A2-273	23641507	Nguyễn Đình	Trung	02/02/2004	Nam	Đắk Lắk	A2	A415
29	A2-274	23635027	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	15/05/2005	Nữ	Bến Tre	A2	A415
30	A2-275	23631346	Lê Lý Ngọc	Tuấn	09/09/2005	Nam	TP. HCM	A2	A415
31	A2-276	22631576	Ngô Thị Thanh	Tuyền	19/11/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	A415

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.

Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ-NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỂM THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH

Ngày thi: 17/08/2025 - Thời gian: 07 g 30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-277	23600066	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	25/04/2005	Nữ	Long An	A2	A416
02	A2-278	23641044	Phan Thị Bích	Tuyền	10/06/2002	Nữ	An Giang	A2	A416
03	A2-279	23635091	Thái Kim	Tuyền	24/01/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A416
04	A2-280	22641282	Phạm Thanh	Tuyền	21/04/2004	Nữ	Vĩnh Long	A2	A416
05	A2-281	23600211	Lê Hoàng Phương	Uyên	12/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A416
06	A2-282	23600241	Lê Thị Thu	Uyên	06/06/2004	Nữ	Lâm Đồng	A2	A416
07	A2-283	23631355	Lê Thị Tố	Uyên	20/10/2005	Nữ	Thanh Hóa	A2	A416
08	A2-284	23682046	Trần Thị Phương	Uyên	05/07/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	A416
09	A2-285	23600323	Từ Thanh	Uyên	28/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A416
10	A2-286	23611033	Nguyễn Thị Hạnh	Vân	05/08/2005	Nữ	Bến Tre	A2	A416
11	A2-287	23600305	Nguyễn Thị Tường	Vân	27/05/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	A416
12	A2-288	23682040	Thái Thị Bích	Vân	18/03/2005	Nữ	Đồng Tháp	A2	A416
13	A2-289	23682059	Bùi Hoàng Xuân	Vân	01/11/2004	Nữ	à Rịa-Vũng T	A2	A416
14	A2-290	23671028	Trần Thụy	Viên	15/10/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A416
15	A2-291	23682084	Nguyễn Nhật Thanh	Vinh	23/11/2005	Nam	Bình Thuận	A2	A416
16	A2-292	21641035	Hà Văn Tuấn	Vũ	19/11/1999	Nam	Hà Tĩnh	A2	A416
17	A2-293	23661094	Ngô Tuấn	Vũ	28/09/2005	Nam	TP. HCM	A2	A416
18	A2-294	23641298	Ngô Thanh	Vy	11/09/2005	Nữ	TP. HCM	A2	A416
19	A2-295	23641019	Nguyễn Thị Khánh	Vy	28/03/2003	Nữ	TP. HCM	A2	A416
20	A2-296	23600201	Nguyễn Thị Thúy	Vy	05/02/2005	Nữ	Bến Tre	A2	A416
21	A2-297	23600208	Nguyễn Thị Tường	Vy	20/10/2005	Nữ	Ninh Thuận	A2	A416
22	A2-298	23612092	Phạm Ái	Vy	10/08/2005	Nữ	Thái Bình	A2	A416
23	A2-299	23641293	Trần Yến	Vy	03/12/2004	Nữ	Bạc Liêu	A2	A416
24	A2-300	23611049	Võ Thuý	Vy	11/08/1999	Nữ	TP. HCM	A2	A416
25	A2-301	23662051	Đặng Hỷ	Xuân	07/02/2005	Nữ	Kiên Giang	A2	A416
26	A2-302	22631278	Tiêu Kim	Xuyến	08/06/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	A416
27	A2-303	23600129	Huỳnh Như	Ý	15/07/2005	Nữ	Tiền Giang	A2	A416
28	A2-304	24634002	Lê Thị Ngọc	Ý	29/06/2004	Nữ	TP. HCM	A2	A416
29	A2-305	23600039	Lê Thanh Bảo	Yến	13/08/2005	Nữ	Long An	A2	A416
30	A2-306	23641097	Trần Nguyễn Hoàng	Yến	07/07/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	A416
31	A2-307	22631011	Diệp Bảo	Yến	30/08/2003	Nữ	TP. HCM	A2	A416

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra thông tin: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; Nơi sinh; Giới tính.
Nếu có sai thì báo CBCT để điều chỉnh ngay trong ngày thi.